

Giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

Nguyễn Thị Hải

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: nguyenhaidt@gmail.com

TÓM TẮT: Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục. Học sinh người dân tộc thiểu số đến trường chưa biết nói tiếng Việt. Việc không hiểu tiếng Việt sẽ khiến các em gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp cũng như tham gia hoạt động giáo dục và tiếp thu kiến thức. Những rào cản về ngôn ngữ khiến các em tự ti, học kém dẫn đến bỏ học. Nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số là chủ trương đúng giúp các em học tập tốt hơn. Bài viết đánh giá việc dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số và một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số.

TỪ KHÓA: Dân tộc thiểu số; giải pháp; năng lực tiếng Việt; học sinh tiểu học.

→ Nhận bài 28/11/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 15/12/2018 → Duyệt đăng 25/02/2019.

1. Đặt vấn đề

Học sinh (HS) người dân tộc thiểu số (DTTS), khi đến trường, gặp không ít khó khăn vì vốn tiếng Việt (TV) của các em còn ít, thậm chí còn quá ít. Điều đó đã ảnh hưởng đến việc học tập của các em. Đảng và Nhà nước đã ra nhiều văn bản nhằm nâng cao năng lực TV cho HS tiểu học (TH) người DTTS giúp cho con em người DTTS hoàn thành chương trình giáo dục (GD) TH, tạo tiền đề để học tập và lĩnh hội tri thức, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững các DTTS. Vậy, làm thế nào để nâng cao năng lực TV cho HS TH người DTTS. Bài viết này đánh giá thực trạng dạy học TV cho HS TH người DTTS trong giai đoạn vừa qua và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực TV cho HS TH người DTTS trong giai đoạn GD mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

TV được công nhận như một công cụ giao lưu, học tập và phát triển về mọi mặt trong đời sống của người DTTS, là phương tiện thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Luật GD năm 2005 quy định: “TV là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở GD khác”. Từ nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ GD và Đào tạo (GD&ĐT), Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT các tỉnh đã rất quan tâm đến việc dạy TV cho HS TH người DTTS. Điều này được thể hiện ở công văn số 7679/BGDĐT-GDTH ra ngày 22 tháng 8 năm 2008 về “Hướng dẫn dạy học TV lớp 1 cho HS dân tộc chưa biết TV”, công văn số 8114/BGDĐT-GDTH ngày 15 tháng 9 năm 2009 về “Nâng cao chất lượng dạy học TV cho HS DTTS”, quyết định 1008/QĐ-TTg về “Phê duyệt đề án Tăng cường TV cho trẻ em mầm non, HS TH vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”, “Hướng dẫn nhiệm vụ năm học” chỉ đạo các địa phương triển khai, thực hiện việc dạy TV cho HS là người

DTTS. Cùng với đó, lãnh đạo các sở, phòng GD&ĐT, các trường rất sát sao với việc tăng cường TV cho HS người DTTS. Các văn bản hướng dẫn thực hiện, kế hoạch triển khai, tổ chức được đưa ra rất chi tiết, cụ thể vào đầu mỗi năm học. Việc dạy học TV cho HS người DTTS hiện nay còn nhiều bất cập, có thể đánh giá trên một số mặt như sau:

2.1.1. Về chương trình, tài liệu

Số giờ dạy TV cho các em HS TH đặc biệt với HS lớp 1 người DTTS là 350 tiết như hiện nay không phù hợp. Với thời lượng dạy TV như vậy chỉ phù hợp với HS người Kinh học TV, với HS người DTTS học TV là ngôn ngữ thứ 2 thì số giờ dạy TV như vậy là quá ít. Sách giáo khoa dạy TV hiện nay được thiết kế theo nguyên tắc và phương pháp dạy học cho người học tiếng mẹ đẻ (TMĐ). HS người DTTS học TV là học ngôn ngữ thứ hai, không phải TMĐ. Vì vậy, HS người DTTS khi học sách giáo khoa TV này gặp không ít khó khăn.

2.1.2. Về phương pháp dạy học

Những năm gần đây, các tổ chức, các dự án, các đề án, chương trình thử nghiệm thực hiện việc dạy TV cho HS TH người DTTS nhằm nâng cao chất lượng dạy và học TV như GD song ngữ trên cơ sở TMĐ hợp tác giữa Tổ chức Unicef và Bộ GD&ĐT, GD song ngữ của tổ chức Save the Children; Phương pháp tiếp cận song ngữ của Tổ chức Oxfam Hongkong; Dự án PECD; Chương trình công nghệ,... Qua các chương trình thử nghiệm này, những kinh nghiệm hay về dạy TV cho HS dân tộc được rút ra và vận dụng cho các vùng dân tộc và miền núi.

Không chỉ có ngành GD, các cấp, các ngành khác cũng rất quan tâm đến việc nâng cao năng lực TV cho HS dân tộc nên đã kết hợp với ngành GD thực hiện việc nâng cao năng lực TV cho trẻ em và HS người DTTS như mô hình “Mẹ nói, dạy TV cho trẻ” của Hội Liên hiệp Phụ nữ,...

Trình độ của giáo viên (GV) ngày một tăng lên. GV dạy

vùng dân tộc miền núi đã được tập huấn, bồi dưỡng về tiếng dân tộc, về phương pháp dạy học TV như ngôn ngữ thứ hai, phương pháp dạy học tích cực, bồi dưỡng về kiến thức chuyên môn,... Bên cạnh đó, họ còn được học hỏi kinh nghiệm nâng cao năng lực TV cho các em từ các trường bạn, từ các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm.

Dù đã được một số tổ chức quan tâm đến GD dân tộc tổ chức tập huấn về phương pháp dạy học TV cho GV vùng DTTS nhưng các tổ chức đó cũng chỉ triển khai thí điểm ở một số xã và một số huyện, tỉnh trong cả nước. Vì vậy, nhiều GV TH trong cả nước vẫn chưa nắm được phương pháp dạy TV với tư cách là ngôn ngữ thứ hai.

2.1.3. Về hình thức dạy học tiếng Việt

Hiện nay, việc dạy học TV cho HS TH người DTTS đang được triển khai ở hai hình thức: 1) Dạy đơn ngữ TV (dạy thẳng TV cho HS người DTTS); 2) Dạy song ngữ TV - tiếng dân tộc.

a. Dạy đơn ngữ TV cho HS TH người DTTS

Hình thức dạy đơn ngữ TV cho HS người DTTS đang được triển khai với phần lớn ở các trường TH có HS người DTTS. Ở hình thức này, HS người DTTS sẽ được học môn TV trong Chương trình chung quốc gia giống như HS người Kinh, mà không sử dụng TMD để hỗ trợ trong quá trình dạy học.

Hình thức dạy đơn ngữ TV cho HS TH người DTTS này có một số khó khăn nhất định như khi đến trường, HS người Kinh đã sử dụng được TV tương đối thành thạo, có một vốn từ vựng khá lớn và đa số đã nắm vững các mẫu câu cơ bản, cách diễn đạt khá đa dạng và có khả năng giao tiếp khá thành thạo. Với HS DTTS, khi đến trường, vốn TV của các em rất nghèo nàn. Các em lại phải tiếp xúc ngay với môn học khá mới mẻ. Do đó, khả năng tiếp thu bài giảng (qua nghe - lời giảng của GV, qua đọc tài liệu học tập) và khả năng thực hiện yêu cầu của các bài tập (nói, viết) chưa đáp ứng được đòi hỏi của chuẩn kiến thức, kĩ năng. Đó thực sự là một rào cản lớn, là lí do trực tiếp và chủ yếu khiến cho HS DTTS khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức, dẫn đến chất lượng GD thấp, có sự chênh lệch khá lớn so với HS dân tộc Kinh và HS ở các vùng thuận lợi khác. Tuy nhiên, việc dạy đơn ngữ TV cho HS người DTTS cũng đem lại một số thuận lợi về khả năng tư duy. Nếu các em tư duy bằng TMD thì lên lớp cao hơn, các em sẽ hết vốn từ (vì một số thuật ngữ như chu vi, diện tích, hình chữ nhật,... trong TMD của các em không có). Không còn vốn từ để các em tư duy, khả năng tư duy của các em sẽ nghèo nàn. Đó cũng là một cản trở trong học tập của các em. Nếu các em tư duy trên nền TV thì khả năng tư duy của các em sau này sẽ phong phú hơn.

b. Dạy học song ngữ TMD - TV

Hình thức dạy học song ngữ được triển khai thí điểm ở một số trường trong một số tỉnh do một số chương trình, tổ chức phi chính phủ thực hiện như: Chương trình chuyên ngữ Jrai - Việt, Chương trình nghiên cứu thực hành GD song ngữ trên cơ sở TMD hợp tác giữa Tổ chức Unicef và

Bộ GD&ĐT, GD song ngữ của tổ chức Save the Children, Phương pháp tiếp cận song ngữ của Tổ chức Oxfam Hongkong, Dự án PECD, Dự án Plan,...

Hình thức dạy học song ngữ TMD - TV đem lại một số thành công như khắc phục được rào cản ngôn ngữ khi HS người DTTS bắt đầu đến trường. Năng lực TV của HS người DTTS tiến bộ nhanh, vững chắc nhờ có nền tảng TMD hỗ trợ; có sự chuyển di ngôn ngữ từ TMD sang TV và học TV với tư cách là ngôn ngữ thứ hai. Nhờ sự phát triển của TMD và TV, năng lực của HS người DTTS được phát triển toàn diện. Kết quả học tập của HS người DTTS cũng cao hơn so với HS người DTTS học Chương trình chung quốc gia. Tuy nhiên, hình thức dạy học song ngữ TMD - TV cũng gặp một số hạn chế như về đội ngũ GV. GV người DTTS có thể sử dụng thành thạo ngôn ngữ mẹ đẻ của HS nhưng lại hạn chế về vốn TV và những kiến thức cơ bản về TV. Một bộ phận GV người DTTS nói TV chưa thành thạo, phát âm chưa chuẩn, thậm chí, còn hiểu nghĩa nhiều từ TV không chính xác. Đây là khó khăn lớn của GV khi lên lớp. Đặc biệt, ở các lớp đầu cấp TH, nhất là lớp 1, GV thường dùng TMD của HS để giúp các em tiếp cận với kiến thức trong giờ học TV và trong các giờ học khác. GV người Kinh sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ dạy học là TV nhưng không biết tiếng TMD của HS. GV chưa thể sử dụng các phương pháp khai thác thế mạnh từ TMD của HS. Sự hạn chế về khả năng TMD của HS không những gây khó khăn cho những GV này trong quan hệ với cộng đồng mà còn tạo khoảng cách trong quan hệ thầy - trò và ảnh hưởng tới việc dạy TV cho HS DTTS. Ngoài ra, theo yêu cầu của GD song ngữ, gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình tăng cường năng lực TMD ở gia đình nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, cuộc sống mưu sinh nên cha mẹ HS ít có điều kiện hỗ trợ con em mình học tập.

Như vậy, hình thức dạy đơn ngữ TV cho HS TH người DTTS từ môn học TV của Chương trình chung quốc gia không phù hợp với đặc thù ngôn ngữ và văn hóa dân tộc, không gần gũi với HS. Chương trình chuẩn bị TV một năm cho các em mẫu giáo năm tuổi cũng chưa đủ để các em có thể sẵn sàng học TV ở TH. Vì vậy, khi học đơn ngữ TV, HS bị rơi vào tình trạng hổng hụt, không đủ vốn TV để tiếp thu kiến thức bài học. Đây cũng chính là nguyên nhân cơ bản khiến cho kết quả học tập của các em thấp hơn so với các HS người DTTS được học hình thức song ngữ.

Hình thức dạy học song ngữ TMD - TV đã giải quyết được khó khăn ban đầu nhưng khó nhân rộng đại trà vì mô hình song ngữ chỉ thực sự có tác dụng khi ở một lớp chỉ có HS của một dân tộc. Thực tế ở nhiều vùng, có lớp tới vài ba dân tộc thì không thể dạy vài ba thứ tiếng trong một lớp được. Điều này đòi hỏi GV phải biết một số ngôn ngữ bản địa để giải thích. Tuy nhiên, triển khai dạy học song ngữ tại từng địa bàn thì vẫn mang lại hiệu quả.

2.1.4. Về điều kiện dạy học

Dù dạy học TV đã được các cấp, các ngành quan tâm, nhưng về điều kiện đảm bảo dạy học vẫn còn một số tồn

tại như đội ngũ GV dạy song ngữ còn thiếu. Nhiều GV dạy vùng dân tộc và miền núi không nói và hiểu tiếng dân tộc của HS mình dạy. Việc bất đồng ngôn ngữ đó gây khó khăn trong dạy và học, đặc biệt là dạy và học những năm đầu cấp.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được đầu tư phù hợp với đặc thù của môn học hơn. Môi trường giao tiếp, học tập tiếng Việt của các em đã được chú ý mở rộng hơn. Các thư viện thân thiện, thư viện ngoài trời đã được một số trường vùng dân tộc và miền núi làm cho học sinh. Tuy nhiên, đồ dùng dạy học còn thô sơ, chưa phù hợp. Việc sử dụng nguyên vật liệu sẵn có của địa phương để làm đồ dùng dạy học, đồ chơi, làm phương tiện để chuyển tải kiến thức TV còn nhiều hạn chế.

Môi trường TV: Việc tạo thói quen sử dụng TV của các em ở gia đình và cộng đồng cũng gặp khó khăn vì người dân ở theo từng cộng đồng và thường ở sâu trong rừng bên cạnh những con suối để có nước thuận lợi cho việc làm nông nghiệp nên ít gặp gỡ với người Kinh, không có điều kiện giao tiếp bằng tiếng phổ thông. Nhiều người trong gia đình không nói được TV hoặc ít sử dụng TV nên việc sinh hoạt giao tiếp trong gia đình hầu như bằng TMD. Vì vậy, nhà trường là môi trường giao tiếp bằng TV duy nhất của các em.

Bên cạnh đó, dạy học TV ở vùng dân tộc và miền núi còn gặp nhiều khó khăn vì nhận thức của một số bậc phụ huynh vẫn còn hạn chế. Họ chưa thấy được tầm quan trọng của việc chuẩn bị TV cho trẻ trước khi vào lớp 1 nên chưa hợp tác với nhà trường để cho con đi học đúng độ tuổi, chưa kết hợp với nhà trường tạo môi trường giao tiếp TV trong gia đình. Khi ở nhà, họ không muốn con họ nói TV vì sợ quên tiếng dân tộc. Họ cho rằng, con họ nói tiếng Việt ở trường là đủ rồi. Chỉ cần con họ biết nói để giao tiếp là được. Bên cạnh đó, trình độ dân trí vẫn còn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn cũng ảnh hưởng đến việc dạy học TV cho HS TH người DTTS. Các gia đình chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em. Nhiều HS thường xuyên phải nghỉ học để ở nhà giúp đỡ gia đình như giữ em, chăn bò, làm nương rẫy...

2.2. Giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

Nâng cao năng lực TV cho HS TH người DTTS là một nội dung quan trọng trong đổi mới GD. Nâng cao năng lực TV cho HS DTTS cần được tiến hành ở hai giai đoạn: Giai đoạn 1: Chuẩn bị vào lớp 1 (HS phải được chuẩn bị đủ vốn TV trước khi vào lớp 1. HS cần được học 3 năm nghe – nói TV ngay ở các lớp mẫu giáo) và giai đoạn 2: Những lớp đầu cấp (ở các lớp 1, 2 và 3, GV có thể sử dụng TMD trong quá trình dạy học như là một công cụ hỗ trợ).

2.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số trong nhà trường

a. Nâng cao năng lực TV qua các môn học

Nhờ các môn học khác, GV có thể nâng cao năng lực TV cho các em HS DTTS bằng cách tăng các câu hỏi, câu trả lời, cách viết câu trả lời bằng TV. Ví dụ, trong một tiết Toán

lớp 2, bài “Bảng chia 2”. Sau khi GV cùng HS xây dựng xong bảng chia 2 đến phần bài tập, GV lần lượt cho ba em lên đặt câu hỏi và tự các bạn mời các bạn của mình trả lời như “Bạn nào cho mình biết: 8 chia cho 2 bằng mấy? Mời bạn A trả lời. Thưa bạn, 8 chia 2 bằng 4. Bạn A trả lời đúng chưa các bạn? Đúng rồi. Minh cảm ơn bạn! Mời bạn ngồi xuống...”. Với việc dạy này, HS sẽ được nghe và nói nhiều hơn. Nhờ các tiết học như thế này, các năng lực giao tiếp bằng TV được nâng cao.

b. Tăng cường giao tiếp bằng TV

Khi học TV, HS người Kinh có nhiều cơ hội giao tiếp bằng TV hơn HS người DTTS. Chúng có thể giao tiếp với người lớn ở mọi lúc, mọi nơi trong và ngoài nhà trường. Với HS người DTTS, mật độ các cuộc giao tiếp bằng TV rất ít. Ở trường, chúng chỉ tiếp xúc duy nhất với thầy cô giáo. Chính vì vậy, cần tăng cường giao tiếp bằng TV cho HS người DTTS trong nhà trường như GV thường xuyên trò chuyện, trao đổi với HS ở mọi nơi, mọi lúc về những chủ đề gần gũi trong cuộc sống; thành lập các nhóm hoặc các câu lạc bộ phiên dịch từ TMD sang TV hoặc ngược lại từ TV ra TMD. GV có thể cho HS xem tranh ảnh, phim rồi GV hỏi những câu hỏi liên quan đến chủ đề đó,...

Các hoạt động giao tiếp của HS có thể mở rộng dần như từ gần đến xa, từ hẹp đến rộng. HS có thể giao tiếp với HS cùng lớp, HS giao tiếp với GV trực tiếp dạy mình, rồi HS có thể giao tiếp với HS khác lớp, HS giao tiếp với các GV khác lớp, HS giao tiếp với cán bộ, công nhân viên, hay khách đến thăm trường,... GV cần nhắc nhở HS khi giao tiếp với bạn bè, thầy cô, cán bộ trong trường,... nên sử dụng TV.

c. Nâng cao năng lực TV qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp không chỉ là điều kiện thuận lợi để các em có những khoảng thời gian hoạt động vui chơi tập thể, giúp các em mạnh dạn, tự tin mà còn là cơ hội để bồi dưỡng TV cho các em HS người DTTS một cách hiệu quả.

Ví dụ: Hoạt động sinh hoạt Đội hoặc sinh hoạt Sao Nhi đồng. Nhà trường có thể tổ chức các trò chơi dân gian vào những buổi sinh hoạt Đội và sinh hoạt Sao Nhi đồng. Tổng phụ trách đội cùng với GV chủ nhiệm các lớp chọn lựa những trò chơi dân gian liên quan đến việc hình thành và phát triển ngôn ngữ TV cho HS dân tộc.

Hay hoạt động giao lưu TV giữa các khối lớp, giữa các trường lân cận như chương trình “Giao lưu TV của chúng em” là hoạt động với ý nghĩa nhằm khơi dậy ở các em HS dân tộc lòng ham thích TV, yêu quý, trân trọng bản sắc văn hóa dân tộc, tạo không khí vui tươi “Học mà chơi, chơi mà học” góp phần xây dựng các tiêu chí trường học thân thiện, đồng thời phát hiện năng khiếu, khả năng nghe, nói, đọc, viết, khả năng diễn thuyết của HS DTTS cấp TH.

Hoặc nhà trường có thể tổ chức hoạt động liên quan đến việc sử dụng TV giữa các khối lớp như thi kể chuyện, hát dân ca, diễn kịch, đọc thơ... Qua hoạt động này, các em có nhiều cơ hội giao lưu, tiếp xúc và bổ sung vốn TV của các em.

Nhà trường cũng có thể tổ chức hoạt động cắm trại. Hoạt

động này có thể được tổ chức vào dịp kỉ niệm ngày thành lập Đoàn 26 tháng 3. Ban giám hiệu, đội Thiếu niên Tiền phong kết hợp với GV tổ chức nhiều hoạt động tập thể như thi nghi thức, kiến thức về đội, giao lưu văn nghệ, tổ chức các trò chơi truyền thống,...

d. Nâng cao năng lực TV qua việc xây dựng các góc ngôn ngữ

GV có thể xây dựng các góc hoạt động khác nhau trong lớp, có gắn các từ TV nhằm tạo điều kiện nâng cao năng lực TV cho HS. Chẳng hạn, tăng cường các phương tiện, đồ vật xuất hiện chữ TV như dán tên cho các góc hoạt động, các kệ, giá để đồ dùng, các tranh ảnh, các sản phẩm của HS (bài chính tả, bài văn hay,...), danh sách HS, lịch sinh hoạt, bảng chữ cái (với HS lớp 1),... Mỗi lớp nên có một tủ sách. Các em có thể đọc sách, đọc truyện trong các giờ ra chơi, những lúc rảnh rỗi hoặc các em có thể mượn sách, truyện về nhà đọc sách.

Ngoài sân trường ở những chỗ mát, nhà trường có thể xây dựng những thư viện ngoài trời để HS có thể mượn sách, truyện đọc nâng cao năng lực TV và mở rộng hiểu biết. Ở những gốc cây ngoài sân trường, nhà trường có thể treo các tấm pano câu nói, câu thành ngữ bằng TV để HS có thể đọc và hiểu được những nội dung ở những bảng đó. Ví dụ: Người giàu nhất là người có nhiều bạn nhất,...

e. Bồi dưỡng GV dạy về tiếng dân tộc và phương pháp dạy TV với tư cách là ngôn ngữ thứ hai

Vùng dân tộc và miền núi có nhiều GV là người Kinh hoặc là GV người dân tộc khác với dân tộc của HS ở trường. Những GV này thường không biết tiếng dân tộc của HS, hoặc nếu biết thì cũng chỉ dừng ở mức độ rất ít nên họ không thể so sánh, đối chiếu, liên hệ khi gặp những tình huống cần thiết trong dạy học TV cho HS. Bên cạnh đó, GV chưa có điều kiện tìm hiểu phong tục tập quán ở vùng đó. Chính vì vậy, họ khó tiếp xúc với HS, khó tiếp cận với các phụ huynh để tạo sự gần gũi, rút ngắn khoảng cách trong quan hệ. Việc dạy TV cho HS dân tộc, đặc biệt là những HS mới vào lớp 1, khó đạt kết quả cao. Việc bồi dưỡng, đào tạo GV biết tiếng DTTS của HS là một biện pháp cần thiết, giúp các GV có thể giao tiếp, giảng dạy TV một cách thuận lợi hơn.

Bên cạnh việc bồi dưỡng tiếng dân tộc, bồi dưỡng GV về phương pháp dạy học TV cũng cần các nhà quản lí quan tâm. Bởi HS DTTS học TV là học ngôn ngữ thứ hai. Vì vậy, các GV cần phải được trang bị các phương pháp dạy TV với tư cách là ngôn ngữ thứ hai như phương pháp trực quan hành động, phương pháp giao tiếp, phương pháp trực tiếp, phương pháp sử dụng TMD,... Để GV có được các phương pháp này, trước mỗi năm học, sở GD và phòng GD cần tổ chức các lớp bồi dưỡng cho GV.

f. Tăng thời lượng dạy TV cho HS người DTTS học TV

Thời lượng dạy TV trong chương trình hiện hành hiện nay là: Lớp 1: 10 tiết x 35 tuần = 350 tiết; Lớp 2: 9 tiết x 35 tuần = 315 tiết; Lớp 3: 8 tiết x 35 tuần = 280 tiết; Lớp 4: 8 tiết x 35 tuần = 280 tiết; Lớp 5: 8 tiết x 35 tuần = 280

tiết. Thời lượng này chỉ phù hợp với HS người Kinh học TV. HS người dân tộc học TV là học ngôn ngữ thứ hai sẽ gặp nhiều rào cản, khó khăn. Thời lượng như vậy là chưa phù hợp. Chính vì vậy, cần tăng cường thời lượng TV cho HS người DTTS, đặc biệt là thời lượng dành HS lớp 1 mới bắt đầu học TV. Biên chế năm học không chỉ 35 tuần mà cần kéo dài thêm (nhất là đối với HS lớp 1 để tăng cường TV và rèn kĩ năng học tập cho các em). Có thể linh hoạt điều chỉnh kế hoạch GD cho phù hợp với đặc điểm từng vùng.

g. Biên soạn tài liệu tăng cường TV cho HS TH người DTTS

Sách giáo khoa dạy TV hiện hành là sách dạy cho HS học TMD, chưa thật sự phù hợp với HS DTTS học TV. Vì vậy, cần phải biên soạn các tài liệu dạy TV để tăng cường TV cho HS TH người DTTS. Có thể biên soạn tài liệu theo chương trình riêng để tăng cường TV cho HS hoặc có thể biên soạn tài liệu hướng dẫn vận dụng chương trình chung quốc gia cho HS người DTTS. Tài liệu này sẽ được biên soạn bám sát vào đặc điểm dạy TV cho HS dân tộc là dạy ngôn ngữ thứ hai.

2.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số trong gia đình

a. Nâng cao nhận thức cho các bậc phụ huynh về tầm quan trọng của TV trong nhà trường

Nhiều phụ huynh HS chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc nói và biết TV trước khi đến trường. Họ chưa ý thức được quyền lợi học tập của con em mình nên chưa có những tác động thích hợp để con em họ có mục đích học tập rõ ràng. Họ chưa nhận thức được mục đích của việc học TV là để tiếp thu kiến thức, là để giao lưu với các dân tộc khác và phát triển về mọi mặt trong đời sống của người DTTS,... Chính vì vậy, cán bộ quản lí, GV, các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, vận động cho các bậc phụ huynh trong các cuộc họp phụ huynh, các cuộc họp làng, họp bản, họp xã, thông qua các chương trình phát thanh để họ hiểu được tầm quan trọng của TV trong nhà trường, họ cho con em mình đi học chuyên cần, đúng độ tuổi. Họ còn phối hợp với nhà trường để tăng cường TV cho con em họ, tạo môi trường giao tiếp TV trong gia đình họ.

b. Tập huấn cho các bậc phụ huynh về cách phát triển TV ở gia đình

Gia đình là trường học đầu tiên và vô cùng quan trọng đối với mỗi HS đặc biệt là việc hình thành ngôn ngữ. HS người DTTS sống với gia đình, ít có điều kiện gặp gỡ, giao lưu với người Kinh nên vốn TV của các em rất hạn chế. Cùng với đó, những người thân trong gia đình các em cũng ít sử dụng TV. Vì vậy, cần phải tổ chức các lớp tập huấn có tài liệu hướng dẫn kèm theo để hướng dẫn phụ huynh cách nâng cao TV cho con em mình ở gia đình như tăng cường giao tiếp bằng TV với con em mình, cách đọc truyện và trao đổi với con về nội dung câu chuyện, xây dựng góc ngôn ngữ ở nhà cho con,...

2.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số trong cộng đồng

a. Tạo môi trường giao tiếp bằng TV trong cộng đồng

Môi trường giao tiếp bằng TV với HS người DTTS còn nhiều hạn chế. Khi giao tiếp, trao đổi với nhau, người DTTS thường dùng TMD của mình. Vì vậy, cần tạo ra môi trường giao tiếp bằng TV cho các em trong các hoạt động cộng đồng như các hoạt động chung của làng bản, của xã như họp xóm, chương trình phát thanh của xã cần được nói/ phát bằng TV,...

b. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương tăng cường TV cho HS người DTTS

Các tổ chức đoàn thể ở địa phương như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,... có thể tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động tập thể nhằm tăng cường TV cho HS như câu lạc bộ mẹ và

con cùng nói TV,... Mở các chuyên mục phát thanh bằng TV do HS TH là phát thanh viên,...

3. Kết luận

Nâng cao năng lực TV cho HS TH người DTTS là việc làm rất cần thiết, cần được các cấp, các ngành quan tâm cùng nhau chung sức thực hiện. Nâng cao năng lực TV cho HS người DTTS cần thường xuyên, liên tục ở cả nhà trường, trong gia đình và ngoài cộng đồng. Có nhiều nhóm giải pháp để nâng cao năng lực TV cho HS TH người DTTS. Khi thực hiện nâng cao năng lực TV không chỉ sử dụng một nhóm giải pháp nào mà cần phải phối kết hợp nhiều nhóm giải pháp. Có như vậy thì việc nâng cao năng lực TV cho HS người DTTS mới hiệu quả..

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2008), *Công văn số 7679/BGDĐT-GDTH về Hướng dẫn dạy học tiếng Việt lớp 1 cho học sinh dân tộc chưa biết tiếng Việt*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2009), *Công văn số 8114/BGDĐT-GDTH về Nâng cáo chất lượng dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số*.
- [3] Mông Kí Slay (chủ biên), (2004), *Hướng dẫn dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc ở bậc Tiểu học (tài liệu dành cho giáo viên)*, Dự án Giáo dục Tiểu học Bạn hữu trẻ em.
- [4] Nguyễn Thị Phương Thảo, (2016), *Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 130, tháng 7, năm 2016, tr.99-102.
- [5] Thủ tướng Chính phủ, (2016), *Quyết định số 1008/QĐ-TTg về Phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng 2015”*.
- [6] <http://baobinhphuoc.com.vn>
- [7] <http://cukuin.daklak.gov.vn>

SOLUTIONS TO IMPROVE VIETNAMESE LANGUAGE ABILITY FOR ETHNIC MINORITY PUPILS AT PRIMARY LEVEL

Nguyễn Thị Hải

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: nguyenthaijddt@gmail.com

ABSTRACT: Vietnamese language is the official language used in schools and education institutions. The ethnic minority pupils who can't speak or understand Vietnamese language have difficulties in communicating, taking part in the education activities and acquiring the knowledge. The barriers of language may cause inferiority attitudes and poor learning results that leads these pupils to drop out of school. Improving the Vietnamese language ability for the ethnic minority pupils at primary level is the right policy for better results. The article evaluates the Vietnamese language teaching for ethnic minority pupils and provides some solutions for enhancing the abilities of using Vietnamese language for ethnic minority primary pupils.

KEYWORDS: Ethnic minorities; solutions; Vietnamese language ability; primary pupils.